

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hường

Bà Hoàng Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 6, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: Schlachthofstr. 8/06366 Köthen, Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc M đã tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 02 năm 2003, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh

phúc với nhau được một thời gian dài. Tuy nhiên đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị đã bỏ qua nhiều lần nhưng Anh M vẫn không thay đổi, luôn lạnh nhạt với vợ, con. Đến năm 2019, Anh M đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa liên bang Đức; do xa nhau, không tin tưởng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc M.

Về con chung: Chị và anh Trần Ngọc M có 03 con chung là Trần Thị Triệu V, sinh ngày 31/10/2004; Trần Thị T, sinh ngày 10/8/2006 và Trần Duy A, sinh ngày 28/10/2016. Hiện các con chung đang ở với chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và Anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H đang ở Việt Nam nhưng do tình hình dịch bệnh covid 19 đi lại khó khăn và cũng do điều kiện công việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Theo bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức, bị đơn anh Trần Ngọc M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 02 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2013 đến năm 2019 vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2019, anh đi xuất khẩu lao động sang Cộng hòa liên bang Đức từ đó đến nay không trở về Việt Nam. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân và đoàn tụ với chị H. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Triệu V, sinh ngày 31/10/2004; Trần Thị T, sinh ngày 10/8/2006 và Trần Duy A, sinh ngày 28/10/2016. Hiện các con chung đang ở với chị H. Nếu ly hôn thì anh và chị H thỏa thuận giao 03 con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà cấp 4 và 03 xe máy nhưng anh

và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Ngọc M đang cư trú và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nên không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho ông Trần Văn Trường, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc M đang cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức; trước xuất cảnh, Anh M có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì anh Trần Ngọc M không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng do dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại và cũng do điều kiện công việc nên chị không thể tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Trần Ngọc M đang cư trú và làm việc ở nước Cộng hòa liên bang Đức đã ủy quyền cho ông Trần Văn Trường, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Xóm 6, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm

trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 19 tháng 02 năm 2003, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc một thời gian dài. Từ năm 2013 đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do Anh M lạnh nhạt với vợ, con. Năm 2019, Anh M đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa liên bang Đức cho đến nay không về Việt Nam. Do xa nhau, không tin tưởng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Hiện tại, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M có 03 con chung. Hiện các con chung đang ở với chị H và được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, thì chị H và Anh M thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trần Thị Triệu V, sinh ngày 31/10/2004; Trần Thị T, sinh ngày 10/8/2006 và Trần Duy A, sinh ngày 28/10/2016 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và Anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 và khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M được ly hôn.
2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M có 03 con chung;

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trần Thị Triệu V, sinh ngày 31/10/2004; Trần Thị T, sinh ngày 10/8/2006 và Trần Duy A, sinh ngày 28/10/2016 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và Anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Trần Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Ngọc M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011451 ngày 04/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Trần Ngọc M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, N, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh